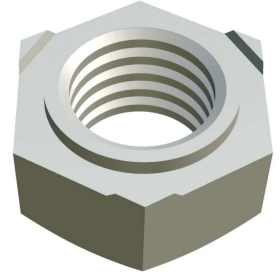


Tán hàn lục giác

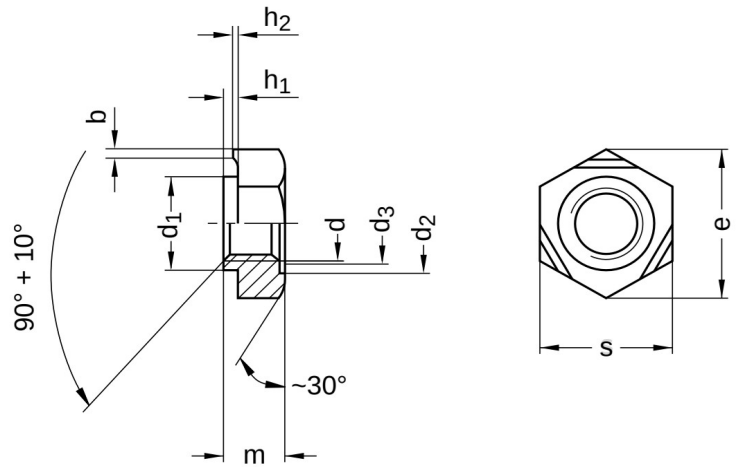
Cấp bền và ký hiệu

- Thép
- Thép không gỉ (Inox): A2, A4
- DIN 929 là tiêu chuẩn Đức quy định đai ốc tán hàn lục giác (Hexagon Weld Nut), dùng để hàn cố định lên bề mặt chi tiết nhằm tạo ren sẵn cho việc lắp bu lông, đặc biệt trong kết cấu thép tấm và khung hàn.
 - Ứng dụng: dùng nhiều trong kết cấu hàn, khung thép, thùng xe, tủ điện, thiết bị công nghiệp, nơi cần tạo ren cố định trên chi tiết mỏng.



Chú Thích:

- d: đường kính danh nghĩa của ren
- d1: đường kính lõi ren
- d2: đường kính trung bình của ren
- d3: đường kính miêng thoát ren
- m: độ dày
- e: đường kính ngoại tiếp lục giác
- s: kích thước khóa tay



Đường kính ren (d)			M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12	(M14)	M16
P	Bước Ren	Ren Thô	0.5	0.7	0.8	1	1.25	1.5	1.75	2	2
		Ren Nhuyễn 1	-	-	-	-	1	1.25	1.25	1.5	1.5
		Ren Nhuyễn 2	-	-	-	-	-	1	1.5	-	-
b	Danh Nghĩa		0.8	0.8	0.8	0.9	1	1.25	1.25	1.5	1.5
	max.		1	1	1	1.12	1.25	1.55	1.55	1.9	1.9
	min.		0.6	0.6	0.6	0.68	0.75	0.95	0.95	1.1	1.1
d1	Danh Nghĩa (d11)		4.5	6	7	8	10.5	12.5	14.8	16.8	18.8
	max.		4.47	5.97	6.96	7.96	10.45	12.45	14.75	16.75	18.735
	min.		4.395	5.895	6.87	7.87	10.34	12.34	14.64	16.64	18.605
d2	min. = Danh Nghĩa (H13)		4.5	6	7	8	10.5	12.5	14.8	16.8	18.8
	max.		4.68	6.18	7.22	8.22	10.77	12.77	15.07	17.07	19.13
d3	max.		3.15	4.2	5.25	6.3	8.4	10.5	12.6	14.7	16.8
e	min.		8.15	9.83	10.95	12.02	15.38	18.74	20.91	24.27	26.51
h1	max.		0.55	0.65	0.7	0.75	0.9	1.15	1.4	1.8	1.8
	min.		0.45	0.55	0.6	0.6	0.75	0.95	1.2	1.6	1.6
h2	max.		0.25	0.35	0.4	0.4	0.5	0.65	0.8	1	1
	min.		0.15	0.25	0.3	0.3	0.35	0.5	0.6	0.8	0.8
m	max. = Danh Nghĩa (h14)		3	3.5	4	5	6.5	8	10	11	13
	min.		2.75	3.2	3.7	4.7	6.14	7.64	9.64	10.57	12.57
s	max. = Danh Nghĩa (h13)		7.5	9	10	11	14	17	19	22	24
	min.		7.28	8.78	9.78	10.73	13.73	16.73	18.67	21.67	23.67

Kích thước (không được ưu tiên) trong ngoặc đơn.